TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2023
V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Cang

2. Bà Phan Thị Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 224/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022, về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị M; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn U** – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư V – Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D; địa chỉ: ấp P1, xã H1, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 8 năm 2022, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:*

Vào năm 2018, chị M và anh D tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn, chị M và anh D

sống chung hạnh phúc đến năm 2021 thì giữa chị M và anh D phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên chị M và anh D không còn sống chung.

Trong thời gian hôn nhân, chị M và anh D có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thế D1, sinh ngày 29-01-2019, hiện tại cháu D1 đang sống chung với chị M. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Chị Trần Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thế D1, sinh ngày 29-01-2019 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi. Anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn D:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh D, nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị M, không đến Tòa án làm việc và tham gia tố tụng tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên các đương sự không có ý kiến trình bày.

Tại Bài bảo vệ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị M. Về quan hệ hôn nhân, chị Trần Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn D; về con chung giao cháu Nguyễn Thế D1, sinh ngày 29-01-2019 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi, anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành nghiêm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên chị M được ly hôn với anh D; về con chung giao cháu Nguyễn Thế D1, sinh ngày 29-01-2019 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi; anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn chị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, nguyên đơn chị M khởi kiện anh D để yêu cầu ly hôn và được quyền trực tiếp nuôi con chung, nhưng không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị M và người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã đúng theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn"*. Như vậy, chị M có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh D theo quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị M, Hội đồng xét xử thấy rằng: trong quá trình giải quyết vụ án, chị M trình bày sau khi kết hôn, chị M và anh D sống chung hạnh phúc được một thời gian thì giữa chị M và anh D phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên chị M và anh D không còn sống chung. Kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập chị M và anh D để hòa giải, động viên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ với nhau, nhưng anh D không đến tham dự phiên hòa giải, chị M giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Như vậy, hôn nhân giữa chị M và anh D đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị M là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, chị M và anh D có 01 (một) người con chung tên Nguyễn Thế D1, sinh ngày 29-01-2019, hiện tại đang sống cùng chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi. Theo khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền, nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Xét thấy, trong quá trình giải

quyết vụ án, chị M và anh D không có thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Mặc khác, từ khi thụ lý vụ án anh D không có văn bản nêu ý kiến về việc yêu cầu nuôi con của chị M. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M giao cháu Nguyễn Thế D1, sinh ngày 29-01-2019 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi; anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng, theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con"*. Xét thấy, kể từ khi chị M và anh D không còn sống chung với nhau, cháu D1 sống cùng với chị M vẫn đảm bảo các quyền lợi về mọi mặt. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, anh D không có văn bản trình bày ý kiến đối với việc chị M không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Từ đó, có căn cứ cho rằng chị M có đầy đủ các điều kiện kinh tế chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D1 và đảm bảo các quyền lợi về mọi mặt của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M quyết định anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung, nợ chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm, chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Tại phiên tòa, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thế D1, sinh ngày 29-01-2019 cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi.

Anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005330 ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Chị Trần Thị M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã H1, huyện M1 Năm, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Minh Luân
(Đã ký)